

BÀI 16

KỂ KHÓ



Như sáng nay, lúc đi học về, con đi trước mẹ, con đã gặp một người đàn bà nghèo bế một đứa nhỏ *xanh xao yếu đuối* và chìa tay xin con.

Con nhìn người ta bằng cặp mắt lạnh lùng, con chẳng cho gì cả mà chính lúc ấy túi con có tiền..

Edmond de Amicis

Nghĩa của từ:	Xanh xao:	Xanh tái, nhợt nhạt, vẻ ốm yếu bệnh hoạn.
	Yếu đuối:	Yếu ớt.
	Nhiều điều:	Hàng tơ sợi mịn màu đỏ tươi.
	Nhiều:	Thú hàng tơ se rất sẵn.
	Điều:	Màu đỏ tươi, màu điều.

Ngữ pháp: Câu ít từ, Câu nhiều từ.

Từ, cụm từ, câu: # 24, 25, 26, 27, 28.

Yêu cầu: Dành nhiều thì giờ hướng dẫn các em hiểu rõ cơ bản cấu trúc:

TỪ. NGỮ. CỤM TỪ. CÂU.

Các thể câu:

Xác định	(Nhận)
Phủ định	(Chối)
Nghi vấn	(Hỏi)

Ca dao : *Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

II. THỰC TẬP ĐẶT CÂU ÍT TỪ. CÂU NHIỀU TỪ

A. Câu mẫu:

Em đi học.

Em và bạn bè đi học.

Ca sĩ hát.

Ca sĩ hát rất hay.

Cô ca sĩ trẻ hát rất hay những bản nhạc vui.



Kẻ khó không có gì cả.



Nghèo cháy túi!

B. Thực tập

Em làm bài : _____

Luân giúp đỡ: _____

Đàn bà : _____

Đứa nhỏ : _____

Cặp mắt : _____

III. BÀI TẬP ĐỌC

Câu ít từ, câu nhiều từ:

1. Ông.
2. Ông *làm ơn*.
3. Ông làm ơn *cho xin*..
4. Ông làm ơn cho *tôi xin*..
5. Ông làm ơn cho *chúng* tôi xin.
6. Ông làm ơn cho chúng tôi xin *hai ly nước đá lạnh*.



1. Nó.
2. *Tìm* nó.
3. *Chúng* tôi tìm nó.
4. Chúng tôi tìm nó *cả ngày*.
5. Chúng tôi tìm nó *suốt* cả ngày.
6. Chúng tôi tìm nó suốt cả ngày *lần đêm*.

1. Các anh.
2. Các anh *nhìn*.
3. Các anh nhìn *thấy cô ấy*.
4. Các anh nhìn thấy cô ấy *đi chợ*.
5. Các anh nhìn thấy cô ấy đi chợ *với mẹ*.
6. Các anh nhìn thấy cô ấy đi chợ với mẹ *của cô ấy*.
7. *Hôm qua*, các anh nhìn thấy cô ấy đi chợ với mẹ của cô ấy *phải không?*



IV. BÀI TẬP

I. Hãy thêm từ ở câu ít từ để ra câu nhiều từ

V.d: Loạn ăn. → Loạn ăn *phở*. Loạn ăn phở *nóng*.

Loạn ăn *hai* tô phở nóng. Loạn ăn hai tô phở *gà* nóng.

1. Thi học _____ ; _____
_____ ; _____
2. Cô giảng bài _____ ; _____
_____ ; _____
3. Bé ngủ _____ ; _____
_____ ; _____
4. Liên đi phố _____ ; _____
_____ ; _____
5. Quyên vẽ _____ ; _____
_____ ; _____
6. Ly hát _____ ; _____
_____ ; _____
7. Ông nội đọc _____ ; _____
_____ ; _____
8. Mẹ nấu cơm _____ ; _____
_____ ; _____
9. Ba sửa xe _____ ; _____
_____ ; _____

II. Hiểu bài

a. Người con trong bài 16 có thương người không?

b. Tác giả khuyên em điều gì?
